

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2020/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Ông **Lý Kim T**, sinh năm 19xx.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường: Số A, đường T, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số B, Cư xá B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Trần Mỹ H**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số A, đường T, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H tự nguyện kết hôn 2006 và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/2007. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2012 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không khắc phục được, tính tình trái ngược nhau gây cãi nhau thường xuyên nên niềm tin không còn nữa. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được nên ông T, bà H đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do quá trình chung sống ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên ông T và bà H yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà. Xét thấy, ông T và bà H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H có 03 người con chung tên Lý Mỹ Ph, sinh ngày 30/11/2006 (nữ); Lý Mỹ Tr, sinh ngày 28/7/2009 (nữ); Lý Hoàng L, sinh ngày 03/01/2011 (nam). Sau khi ly hôn, ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H thống nhất giao 03 con chung tên Lý Mỹ Ph, sinh ngày 30/11/2006 (nữ); Lý Mỹ Tr, sinh ngày 28/7/2009 (nữ); Lý Hoàng L, sinh ngày 03/01/2011 (nam) cho mẹ là bà Trần Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H thống nhất ông Lý Kim T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Phụng, cháu Trân và cháu Long đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu Ph, cháu Tr và cháu L đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H đều thống nhất thỏa thuận: Giao 03 con chung tên Lý Mỹ Ph, sinh ngày 30/11/2006 (nữ); Lý Mỹ Tr, sinh ngày 28/7/2009 (nữ); Lý Hoàng L, sinh ngày 03/01/2011 (nam) cho bà Trần Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H thống nhất ông Lý Kim T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ph, cháu Tr và cháu L đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu Ph, cháu Tr và cháu L đủ 18 tuổi.

Ông Lý Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định

tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý Kim T và bà Trần Mỹ H mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do ông T và bà H đã nộp theo các biên lai thu số 0004432 và 0004433 cùng ngày 29/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Ông T và bà H đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thanh Loan